

Số: 12/QĐ-UBTN

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế hoạt động
của Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam

CHỦ NHIỆM ỦY BAN QUỐC GIA VỀ THANH NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Thanh niên năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 25/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Theo đề nghị của Ban Thư ký và Văn phòng Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam; sau khi thống nhất với các thành viên Ủy ban,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam, Ban Thư ký, Văn phòng Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Đ/c Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Đ/c Võ Văn Thưởng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư TW Đảng (để báo cáo);
- Đ/c Phạm Bình Minh, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ (để báo cáo);
- Đ/c Vũ Đức Dam, Ủy viên BCH TW Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Thành viên Ủy ban QG về TN Việt Nam;
- Thành viên BTK Ủy ban QG về TN Việt Nam;
- Lưu VP.

CHỦ NHIỆM
ỦY BAN QG VỀ TN VIỆT NAM



Bùi Quang Huy

QUY CHẾ

Hoạt động của Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 12 /QĐ-UBTN ngày 22 tháng 12 năm 2022
của Chủ nhiệm Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam là tổ chức phối hợp liên ngành, có chức năng tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ về công tác thanh niên.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về cơ chế, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ủy ban).

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Thành viên Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam.
2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc làm việc

1. Ủy ban làm việc theo chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số. Thành viên Ủy ban làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thảo luận góp ý kiến tại các kỳ họp của Ủy ban. Trong trường hợp không tổ chức được hội nghị, các thành viên Ủy ban góp ý kiến bằng văn bản.
2. Các cơ quan có thành viên Ủy ban có trách nhiệm phân công cán bộ giúp việc thành viên Ủy ban.

CHƯƠNG II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN VÀ THÀNH VIÊN ỦY BAN

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban

1. Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách về thanh niên và công tác thanh niên.
2. Nghiên cứu, tư vấn, khuyến nghị và đề xuất với Thủ tướng Chính phủ các giải pháp, biện pháp giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành đối với thanh niên và công tác thanh niên.

3. Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch, chương trình làm việc với các bộ, ngành, địa phương thực hiện điều tra, khảo sát, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên.

4. Giúp Thủ tướng Chính phủ đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc thực hiện những vấn đề quan trọng, liên ngành về thanh niên và công tác thanh niên.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện giám sát, phản biện các chính sách, pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên.

6. Thực hiện các hoạt động đối ngoại thanh niên theo quy định pháp luật.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm Ủy ban

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ nhiệm Ủy ban

1.1. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về toàn bộ hoạt động của Ủy ban.

1.2. Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban.

1.3. Chỉ đạo tổ chức và hoạt động của Ủy ban; quyết định danh sách thành viên của Ủy ban theo đề xuất của các cơ quan liên quan; phân công nhiệm vụ các thành viên Ủy ban.

1.4. Quyết định thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Thư ký, Văn phòng Ủy ban đảm bảo nguyên tắc tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

1.5. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp, hội nghị của Ủy ban.

1.6. Quyết định chương trình công tác, nội dung làm việc của Ủy ban và các vấn đề quan trọng, liên ngành cần xin ý kiến của Ủy ban.

1.7. Đại diện Ủy ban trong mối quan hệ đối ngoại, quan hệ với các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị lực lượng vũ trang theo quy định của pháp luật.

1.8. Chủ nhiệm Ủy ban là chủ tài khoản của Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam.

1.9. Quản lý cơ sở vật chất, phương tiện làm việc được trang bị theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban

2.1. Giúp Chủ nhiệm Ủy ban chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hằng ngày của Ủy ban.

2.2. Giữ mối liên hệ công tác với các Phó Chủ nhiệm Ủy ban, các thành viên Ủy ban, Ban Bí thư Trung ương Đoàn, các cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban.

2.3. Giúp Chủ nhiệm Ủy ban chỉ đạo, chuẩn bị nội dung chương trình công tác, nội dung các kỳ họp của Ủy ban. Chủ trì và kết luận các cuộc họp, hội nghị, cuộc làm việc khi được Chủ nhiệm Ủy ban ủy quyền.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Chủ nhiệm Ủy ban

3.1. Thực hiện nhiệm vụ do Chủ nhiệm Ủy ban phân công.

3.2. Chủ trì và kết luận các cuộc họp, hội nghị, cuộc làm việc khi được Chủ nhiệm Ủy ban ủy quyền.

3.3. Ký thay Chủ nhiệm Ủy ban ký các văn bản trong phạm vi được phân công và khi được Chủ nhiệm Ủy ban ủy quyền

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ủy ban

1. Tham gia xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch chương trình công tác của Ủy ban theo nhiệm vụ được phân công. Chịu trách nhiệm trước Chủ nhiệm Ủy ban về nhiệm vụ được phân công. Tham mưu chỉ đạo và triển khai thực hiện các vấn đề liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên thuộc lĩnh vực phụ trách.

2. Tổ chức triển khai thực hiện các kết luận, chủ trương công tác liên quan đến thanh niên tại cơ quan, tổ chức mình về thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên, công tác thanh niên và báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Ủy ban. Cung cấp thông tin về hoạt động của Bộ, ngành, tổ chức mình trong xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên.

3. Tham gia đầy đủ các phiên họp thường kỳ và các đoàn công tác, hoạt động của Ủy ban khi được phân công. Trong trường hợp vắng mặt các phiên họp, được cử lãnh đạo cấp vụ dự thay hoặc gửi ý kiến tham gia bằng văn bản.

4. Các thành viên Ủy ban được cung cấp thông tin về các hoạt động của Ủy ban, thông tin về tình hình thanh niên, công tác thanh niên, các kết quả nghiên cứu và thông tin tham khảo cần thiết về thanh niên trong nước và ngoài nước.

CHƯƠNG III CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 8. Chế độ họp, hội nghị của Ủy ban

1. Hội nghị thường kỳ của Ủy ban được tổ chức một năm một lần để thông qua chương trình công tác, đánh giá hoạt động và quyết định các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban.

2. Khi cần thiết, Chủ nhiệm Ủy ban có thể triệu tập các cuộc họp đột xuất của Ủy ban.

Điều 9. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Các thành viên Ủy ban có trách nhiệm tham gia góp ý xây dựng các báo cáo kết quả công tác trên cơ sở đề xuất của Ban Thư ký Ủy ban, Văn phòng Ủy ban để phục vụ Hội nghị thường kỳ Ủy ban một năm một lần hoặc các báo cáo đột xuất khác.

2. Ủy ban báo cáo định kỳ một năm một lần và báo cáo đột xuất về công tác thanh niên trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Kinh phí và cơ chế hoạt động của Ủy ban

1. Kinh phí hoạt động của Ủy ban do ngân sách nhà nước đảm bảo và được cấp qua Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Ủy ban sử dụng bộ máy, biên chế nhân sự, cơ sở vật chất của cơ quan Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh để thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

CHƯƠNG IV CHẾ ĐỘ PHỐI HỢP CÔNG TÁC

Điều 11. Mối quan hệ với các cơ quan của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thường xuyên thông báo kế hoạch công tác, chương trình phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên.

2. Phối hợp xây dựng kế hoạch, chương trình làm việc thực hiện điều tra, khảo sát, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên.

3. Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu đề xuất với Thủ tướng Chính phủ những vấn đề liên quan trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên.

Điều 12. Mối quan hệ với Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

1. Phối hợp với Ban Thường vụ Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên; tổng kết, nghiên cứu, đề xuất xây dựng các văn bản chính sách, pháp luật về thanh niên.

2. Phối hợp với Ban Bí thư Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan thực hiện giám sát, phản biện xã hội các chính sách, pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên.

3. Phối hợp tổng kết các loại hình hoạt động của thanh niên và đề xuất với Thủ tướng Chính phủ những biện pháp hỗ trợ để duy trì và phát triển các loại hình hoạt động hiệu quả cho sự phát triển của thanh niên.

4. Phối hợp tổ chức các hoạt động đối ngoại thanh niên theo quy định pháp luật.

Điều 13. Mối quan hệ với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế



Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và cá nhân để huy động sự tham gia của toàn xã hội đối với sự nghiệp chăm lo, bảo vệ, bồi dưỡng, giáo dục và phát triển thanh niên.

Điều 14. Quan hệ đối ngoại

1. Ủy ban là đầu mối thực hiện các hoạt động đối ngoại thanh niên với các tổ chức quốc tế, các tổ chức thuộc Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ nhằm trao đổi, nghiên cứu, học tập kinh nghiệm về công tác thanh niên, góp phần tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác trong công tác thanh niên theo chính sách đối ngoại của nhà nước.

2. Tổ chức cung cấp thông tin đối ngoại thanh niên và tiếp nhận các nguồn lực hỗ trợ cho sự phát triển của thanh niên.

3. Đề xuất các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động đối ngoại thanh niên.

Điều 15. Phối hợp điều tra, khảo sát, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên

1. Hằng năm, Ủy ban phối hợp với các bộ, ngành xây dựng kế hoạch, chương trình làm việc với các bộ, ngành, địa phương thực hiện điều tra, khảo sát, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên. Khi cần thiết, Chủ nhiệm Ủy ban quyết định làm việc đột xuất.

2. Thành viên Ủy ban có trách nhiệm triển khai nội dung làm việc theo kế hoạch và gửi báo cáo kết quả làm việc bằng văn bản tới Chủ nhiệm Ủy ban chậm nhất 15 ngày sau mỗi đợt làm việc.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế hoạt động của Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-UBTN ngày 29/4/2011 của Chủ nhiệm Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung Quy chế để phù hợp với yêu cầu thực tiễn, Chủ nhiệm Ủy ban xem xét quyết định.

CHỦ NHIỆM ỦY BAN QUỐC GIA VỀ THANH NIÊN VIỆT NAM